TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2023/DS-ST Ngày: 15-5-2023 "V/v: *tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vương Văn Mum;

Ông Lê Đình Nhung

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Hữu Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 và 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2021/TLST- DS ngày 27 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1937; cư trú tại: khu phố AP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố SS, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn*:

Ông Lê Văn X, sinh ngày 01/01/1963;

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964;

Cùng cư trú tại: khu phố AP, phường AH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị X1, sinh năm 1956; cư trú tại: khu phố AP, phường AH, thị xã TB, có mặt;

- Bà Lê Thị G, sinh năm 1964; cư trú tại: khu phố HP, phường AH, thị xã TB, Tây Ninh, có mặt;

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1968; cư trú tại: khu phố SS, phường AT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án).

- Chị Lê Thị Hồng C, sinh năm 1993; có mặt.

- Anh Lê Tấn T1, sinh năm 1989; có đơn xin vắng mặt.

Cùng cư trú tại: khu phố AP, phường AH, thị xã TB, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-10-2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 1.935m^2, tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh của cụ Lê Văn Tiếp là cha chồng của bà. Cụ Tiếp giao lại phần đất này cho bà và chồng là Lê Văn Nhỏ (đã chết năm 1969) tiếp tục quản lý sử dụng. Vợ chồng bà có xây dựng 01 căn nhà tường chữ đinh trên đất. Trong quá trình quản lý sử dụng, bà không có kê khai đăng ký. Vào thời gian nào, bà không biết thì ông Lê Văn X (con của bà) kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này

Ngoài ra, vợ chồng bà có mua được khoảng 2,1 ha đất ruộng toạ lạc tại cánh đồng Bến Đò, khu phố An Phú, phường An Hoà, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Năm 1994, bà chia cho mỗi người con gái 40 cao, chia cho ông X 70 cao, còn lại 20 cao bà, bà để dưỡng già. Ông X vẫn canh tác phần đất 20 cao của bà cho đến nay. Bà vẫn chưa kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay, bà bị bệnh già yếu, không có tài sản để lo cho chi phí chữa bệnh. Nay bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông X trả lại bà ½ diện tích đất 1.935m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, trong đó có căn nhà chữ đinh; yêu cầu ông X trả lại phần đất 20 cao (đo đạc thực tế diện tích 2.478m^2) tại thửa số 214, tờ bản đồ số 54, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà có đơn xin rút lại phần diện tích 2.478m^2 tại thửa số 214, tờ bản đồ số 54, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tại phiên tòa bà H1 đại diện cho bà T không yêu cầu ông X trả lại phần đất có căn nhà chữ đinh, chỉ yêu cầu trả lại ½ diện tích đất 1.935m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn X trình bày: Ông xác định phần đất tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh nguồn gốc của ông nội Lê Văn Tiếp để lại cho cha mẹ ông. Sau khi cha ông chết, thì mẹ ông mới kêu ông đi kê khai đăng ký phần đất này. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này mà không ai tranh chấp gì cả. Trong quá trình sử dụng, ông có xây thêm nhà dưới và chuồng bò.

Vào năm 1994, mẹ ông có đứng ra chia đất cho các con, trong đó chia cho mỗi người con gái 50 cao; chia ông 70 cao; trong đó, ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 50 cao; còn lại 20 cao vì giáp sông, ông chưa đắp bờ nên khi kê khai đăng ký Nhà nước chưa cấp giấy cho ông vì chưa có bờ ranh rõ ràng. Hiện nay, ông đã kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này.

Trong thời gian vợ chồng ông chăm sóc phụng dưỡng mẹ ông. Vợ chồng ông luôn quan tâm chăm sóc, phụng dưỡng mẹ. Vào năm 2020, chị và các em gái ông về không biết nói như thế nào với mẹ ông. Mẹ ông đi qua nhà bà X1 sống từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian mẹ ông bị bệnh, ông không có phụ tiền chi phí viện phí cho mẹ. Nhưng trước đó, ông có bán 01 phần đất và có cho mẹ ông 50.000.000 đồng

Nay ông có ý kiến như sau: Đối với phần đất diện tích đất 1.935m^2 ông đồng ý chia lại cho mẹ ông là bà Nguyễn Thị T ngang 20m dài 30m, phần đất không có căn nhà chữ đinh.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Về các phần đất tranh chấp bà thống nhất với lời trình bày của ông X. Bà về làm dâu đã hơn 40 năm. Trong thời gian sống chung với mẹ chồng, bà luôn làm tròn trách nhiệm làm con làm dâu đối với mẹ. Ngày mẹ bỏ nhà đi thì mẹ nói là đi nhập viện nhưng khi bà vào viện không thấy mẹ đâu. Sau đó, bà biết được mẹ qua nhà bà X1 ở, còn nguyên nhân vì sao bà không biết. Bà có cùng ý kiến và yêu cầu như ông X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X1 trình bày: Vào năm 1994, bà xác định, mẹ bà có chia cho bà được 54 cao đất. Khi chia đất ở Bến Đò thì mẹ bà đã chia hết đất cho các con và nghĩ là đất của bà đã hết. Tuy nhiên, sau khi anh em của bà kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì còn dư ra hơn 20 cao chưa được cấp giấy cho ai cả. Do đó, phần đất này thuộc quyền sử dụng đất của mẹ bà là bà T. Khi bà thấy mẹ bà bệnh, nhà ông X không ai chở đi khám bệnh. Vì vậy, bà mới đưa mẹ bà về nhà chăm sóc. Nay trong vụ án này, bà không có yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp. Bà có ý kiến mong Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị G trình bày: Bà xác nhận lời trình bày của bà X1 là đúng. Do vợ chồng ông X không chăm sóc mẹ chu đáo nên bà X1 mới đưa mẹ về chăm sóc. Vào năm 1994, bà được mẹ chia 40 cao đất và được cấp giấy 30 cao, bị sót 10 cao đang làm thủ tục chuyển lưới. Nay trong vụ án này, bà không có yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp. Bà có ý kiến mong Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị H trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà X1. Vào năm 1994, bà được mẹ chia 49 cao đất và phần đất này bà đã bán cho chị C (con ông X). Nay trong vụ án này, bà không có yêu cầu chia đối với phần đất tranh chấp. Bà có ý kiến mong Toà án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – chị Lê Thị Hồng C trình bày: Chị là con của ông X và bà H. Sau khi cụ Xinh (em của ông nội chị) chết thì chị được bà nội và cha chị kêu chị vào nhà của cụ Xinh ở để giữ gìn nhà cửa. Trong quá trình ở đây, vào năm 2016, chị có tiến hành sửa chữa lại căn nhà này. Trước khi sửa nhà thì chị có hỏi bà nội và cha chị thì không ai có ý kiến phản đối gì cả. Tổng chi phí chị bỏ ra để sửa chữa nhà bao nhiêu không nhớ. Chị bắt đầu cúng giỗ cụ Xinh (ngày 17/9), chồng cụ Xinh (ngày 18/8) và con cụ Xinh (ngày 23/5) từ 2016. Trước đây, do cha mẹ chị cúng giỗ cụ Xinh. Chị cúng giỗ cụ Xinh không báo với bà X1, do đó, bà X1 có cúng giỗ cụ Xinh hay không thì chị không biết. Chị yêu cầu tiếp tục ở trong căn nhà này để cúng giỗ cụ Xinh và chồng, con của cụ Xinh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Lê Tấn T1 trình bày: Anh là chồng của chị C. Anh đang sống cùng với chị C tại căn nhà của cụ Xinh. Anh có cùng ý kiến và yêu cầu với chị C.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét X, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*" đối với ông Lê Văn Xử, bà Nguyễn Thị H.

Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng ½ diện tích đất 1.935m^2 thửa 79, tờ bản đồ 43 (Bản đồ 2005) tại khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.478m^2, thửa 214, tờ bản đồ 54 và tài sản là căn nhà tường ngói xưa, nền gạch bông như đã thẩm định, tại khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà T, ông X; bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Tấn Tài có đơn xin vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Trước đây Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Đòi lại tài sản". Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án xét thấy bà Nguyễn Thị T chưa được cấp giấy chứng nhận đối với phần đất tranh chấp. Do đó, Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật là "Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất" theo khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn X trả lại ½ 1.935m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ông Lê Văn X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, chỉ đồng ý trả lại bà 20m ngang (giáp đường), dài 30m.

[2.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất là của cụ Lê Văn Tiếp (cha chồng của bà T) và là ông nội của ông X cho vợ chồng bà T sử dụng. Đến năm 1966, vợ chồng bà có cất một căn nhà chữ đinh trên phần đất này. Đến năm 1969, ông Lê Văn Nhỏ (chồng bà T) chết thì bà cùng các con vẫn tiếp tục quản lý sử dụng này. Vào năm 2000, ông X kê khai đăng ký phần đất tranh chấp. Ngày 07/9/2006, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.935m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 31 do ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị H đứng tên.

[2.2] Bà T cho rằng trong quá trình quản lý sử dụng ông X tự kê khai đăng ký phần đất của vợ chồng bà và không được sự đồng ý của bà. Ông X cho rằng ông được bà T kêu đi đăng ký và khi kê khai ông khai nguồn gốc đất được mẹ Nguyễn Thị T cho vào năm 2000. Xét lời khai của ông X thấy rằng: ông khai nguồn gốc đất là do ông được bà Nguyễn Thị T cho nhưng hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông không có tài liệu nào thể hiện việc cho tặng đất này. Mặt khác, vào năm 2000, khi ông kê khai đăng ký phần đất này thì cha ông là ông Lê Văn Nhỏ (đã chết). Nếu có việc bà T định đoạt phần đất này để cho ông cũng không đúng quy định pháp luật vì ông Nhỏ ngoài ông là con thì còn có những người con khác là bà Nguyễn Thị X1, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị G. Do đó, trình tự thủ tục ông X, bà H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.935m^2 tại thửa 99, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh là không đảm bảo đúng quy pháp luật.

Do đó nguồn gốc đất là do vợ chồng bà T, ông Nhỏ được thừa hưởng từ cha mẹ để lại. Bà T sống cùng với ông X cho đến năm 2019 thì được bà X1 rước về nhà phụng dưỡng vì cho rằng vợ chồng ông X chăm sóc bà không chu đáo, bị bệnh không người chăm sóc. Phần đất diện tích 1.935m^2 là tài sản chung của vợ chồng bà T và ông Nhỏ nên bà T khởi kiện yêu cầu ông X trả lại ½ 1.935m^2 là có căn cứ theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

Tại phiên tòa bà H1 đại diện cho bà T yêu cầu ông X trả lại phần đất không có căn nhà chữ đinh. Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét X chấp nhận. Do đó, ông X và bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà T ½ diện tích 1.935m^2 không có tài sản gắn liền với đất là căn nhà của ông X, bà H và vợ chồng chị C đang sống; và phần đất mà ông X, bà H có nghĩa vụ trả lại đảm bảo không gây thiệt hại đến các tài sản khác.

Tuy nhiên đối với các cây trồng và 01 nhà tạm nuôi bò, 01 hồ chứa nước thì ông X, bà H có nghĩa vụ tự xử lý di dời để trả lại đất cho bà T.

Đối với việc bà T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc đòi lại diện tích 2.478m^2. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút yêu cầu về việc đòi trả lại căn nhà trên đất. Do đó, căn cứ Điều 244 BLTTDS Đình chỉ yêu cầu của bà T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.478m^2 và tài sản là căn nhà.

[3] Hội đồng xét xử xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[4] Căn cứ Điều 12, 14 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông X được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà H phải chịu án phí theo quy định pháp luật

Đối với chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 8.000.000 đồng, ông X và bà H phải chịu. Do bà T đã nộp nên ông X và bà H có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền 8.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai, Điều 12, 14, 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất*" đối với ông Lê Văn X, bà Nguyễn Thị H.

1.1. Bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng phần đất diện tích 949,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất ODT và 749,8m^2 đất CLN), trong thửa 99, tờ bản đồ 31 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 79, tờ bản đồ 43), tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Có tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 79 còn lại (ông X, bà H) dài 37,14m;

Hướng Tây giáp đường đất dài 16,45m + giáp đất ông Thuận dài 20,11m;

Hướng Nam đường đất dài 26m;

Hướng Bắc giáp đất ông Trớ dài 26m.

(có sơ đồ kèm theo)

1.2. Ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thi H có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 949,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất ODT và 749,8m^2 đất CLN), trong thửa 99, tờ bản đồ 31 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 79, tờ bản đồ 43), tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng.

1.3. Buộc ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thi H xử lý, di dời, tháo dỡ, thu dọn, nhổ đi nơi khác các tài sản gồm 01 nhà tạm (nuôi bò) cột xi măng lợp tole,

01 hồ chứa nước xây bằng xi măng, 07 cây lồng mức, 03 cây xà cừ, 01 cây dúi, 02 cây xò đo, 05 bụi chuối, 10 bụi tầm vong (và các tài sản khác nếu có) trên phần đất diện tích 949,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất ODT và 749,8m^2 đất CLN), trong thửa 99, tờ bản đồ 31 (bản đồ 2001), (chuyển lưới 2005, trong thửa số 79, tờ bản đồ 43), tọa lạc khu phố An Phú, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để giao đất bà Nguyễn Thị T được quyền sử dụng.

1.4 Kiến nghị các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số H02170 ngày 07-9-2006 do ông Lê Văn Xử, bà Nguyễn Thị H đứng tên; cấp lại cho bà Nguyễn Thị T như quyết định của Bản án đã tuyên.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà T về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.478m^2 và tài sản là căn nhà.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn X. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Lê Văn X và bà Nguyễn Thị H phải trả lại bà Nguyễn Thị T chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản 8.000.000 (tám triệu) đồng.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm